

TỰ CHỦ TÀI CHÍNH TRONG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO Ở TRUNG QUỐC VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

Ths. Nguyễn Mạnh Tiến*

Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về tự chủ tài chính (TCTC) là một trọng những nhiệm vụ quan trọng để triển khai thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 do Tổng Bí thư Tô Lâm đã ký ban hành). Nghiên cứu này tập trung vào việc phân tích mô hình TCTC trong giáo dục đại học của Trung Quốc (chủ yếu là giáo dục đại học), đánh giá những ưu điểm và hạn chế của nó, từ đó rút ra bốn bài học kinh nghiệm thiết thực và cụ thể cho quá trình triển khai TCTC trong hệ thống giáo dục Việt Nam. Đó là: (1) Hoàn thiện cơ chế, chính sách đồng bộ; (2) Tăng cường năng lực huy động vốn từ nghiên cứu; (3) Chính sách đảm bảo Công bằng xã hội; (4) Nâng cao năng lực quản trị.

• Từ khóa: tự chủ tài chính, lĩnh vực giáo dục, giáo dục đào tạo, quản trị đại học.

Studying international experience on financial autonomy (TCTC) is one of the important tasks to implement the Politburo's resolution on breakthrough in education and training development (Resolution No. 71-NQ/TW dated August 22, 2025 signed and issued by General Secretary Tô Lâm). This study focuses on analyzing the TCTC model in China's higher education (mainly university education), assessing its advantages and limitations, thereby drawing four practical and specific lessons for the implementation of TCTC in the Vietnamese education system. These are: (1) Perfecting synchronous mechanisms and policies; (2) Strengthening the capacity to mobilize capital from research; (3) Policies to ensure social equity; (4) Improving governance capacity.

• Key words: financial autonomy, education sector, education and training, university governance.

Ngày nhận bài: 19/5/2025

Ngày gửi phản biện: 12/6/2025

Ngày chấp nhận đăng: 30/9/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i298.23>

Mở đầu

Giáo dục là nền tảng của sự phát triển quốc gia. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và nhu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tự chủ tài chính (TCTC) trong giáo dục đã trở thành một xu hướng tất yếu. TCTC, về cơ bản, là việc trao quyền cho các cơ sở giáo dục chủ động hơn trong việc huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực tài chính, nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và tăng cường năng lực cạnh tranh.

Trung Quốc, với quy mô và tốc độ phát triển kinh tế đáng kinh ngạc, đã áp dụng mô hình TCTC một cách sâu rộng, đặc biệt ở bậc đại học, đạt được những thành tựu nổi bật nhưng cũng đối mặt với nhiều thách thức. Mô hình này đã góp phần đưa nhiều trường đại học TQ vào hàng ngũ các cơ sở giáo dục hàng đầu thế giới.

Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi mạnh mẽ từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường, cũng đang đẩy mạnh lộ trình TCTC, chủ yếu ở cấp đại học và một phần ở giáo dục nghề nghiệp. Tuy nhiên, quá trình này diễn ra chậm hơn và gặp nhiều rào cản về cơ chế, chính sách và sự đồng thuận xã hội.

Nghiên cứu và phân tích mô hình TCTC trong giáo dục của Trung Quốc (chủ yếu là giáo dục đại học), đánh giá những ưu điểm và hạn chế của nó, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm thiết thực và cụ thể cho quá trình triển khai TCTC trong hệ thống giáo dục Việt Nam với mục tiêu là làm rõ mối liên hệ giữa tự chủ tài chính và chất lượng giáo dục, sự công bằng xã hội là việc làm cần thiết tạo ra bước đột phá trong thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo do Tổng Bí thư Tô Lâm đã ký ban hành

1. Tổng quan về Tự chủ tài chính trong giáo dục

1.1. Khái niệm và phạm vi Tự chủ tài chính

Tự chủ tài chính trong lĩnh vực giáo dục là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước Việt Nam, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng dịch vụ giáo dục đồng thời góp phần giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

* Ủy ban Chứng khoán nhà nước; email: nguyenmanhtien@ssc.gov.vn

Tự chủ tài chính trong lĩnh vực giáo dục được hiểu là cơ sở giáo dục đào tạo chủ động khai thác, quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính để thực hiện nhiệm vụ được giao, đồng thời chịu trách nhiệm trước Nhà nước và xã hội về kết quả hoạt động. Tự chủ tài chính trong lĩnh vực giáo dục, không chỉ mang ý nghĩa đảm bảo cân đối thu - chi mà còn thúc đẩy các cơ sở đào tạo nâng cao năng lực quản trị, phát triển dịch vụ chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của người học.

Tự chủ tài chính không chỉ là việc các trường được thu học phí cao hơn. Nó là một khái niệm rộng hơn, bao gồm: (1) Tự chủ nguồn thu: Đa dạng hóa nguồn thu (học phí, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác doanh nghiệp, đầu tư, quỹ phát triển...); (2) Tự chủ chi tiêu: Quyền tự quyết định cơ cấu chi tiêu, định mức chi, lương thưởng, đầu tư cơ sở vật chất; (3) Tự chủ quản lý tài sản: Sử dụng tài sản hiện có và đầu tư mua sắm tài sản mới hiệu quả hơn.

1.2. Bối cảnh thúc đẩy Tự chủ tài chính ở các nước

Từ thập niên 1980, nhiều quốc gia chuyển từ mô hình chuyển từ mô hình “bao cấp toàn phần” sang “chia sẻ chi phí” do áp lực ngân sách và nhu cầu giáo dục tăng cao. Nhiều quốc gia áp dụng chính sách quản trị công mới (New Public Management - NPM) nhằm tăng hiệu quả, minh bạch, và trách nhiệm giải trình của các tổ chức công, trong đó có giáo dục.

Trong thế giới hiện đại, nhu cầu học đại học, học nghề và học suốt đời tăng mạnh, khiến hệ thống giáo dục phải mở rộng quy mô, vượt quá khả năng tài trợ của ngân sách nhà nước. Việc trao quyền tự chủ tài chính giúp các trường chủ động huy động thêm nguồn lực (học phí, hợp tác doanh nghiệp, dự án nghiên cứu, quỹ phát triển...). Tuy nhiên, khi người học và xã hội đòi hỏi chất lượng đào tạo cao hơn, cơ sở giáo dục cần linh hoạt hơn trong phân bổ nguồn lực, đầu tư vào nhân lực và cơ sở vật chất. Tự chủ tài chính tạo động lực đổi mới quản trị, thu hút nhân tài, tăng hiệu suất sử dụng vốn và nâng cao uy tín học thuật.

Mặt khác, xu thế xếp hạng toàn cầu (QS, THE) buộc các trường đại học phải nâng cao năng lực cạnh tranh. Để chủ động, sáng tạo trong nâng cao năng lực cạnh tranh, cơ sở giáo dục đào tạo cần tự chủ về tài chính, nhân sự và học thuật, thay vì phụ thuộc vào ngân sách nhà nước.

2. Mô hình Tự chủ tài chính trong giáo dục đại học Trung Quốc

2.1. Quá trình hình thành và phát triển tự chủ tài chính trong giáo dục Trung Quốc

Tự chủ tài chính trong giáo dục Trung Quốc gắn liền với tiến trình cải cách và mở cửa từ năm 1978, khi quốc gia này chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Từ đầu thập niên 1980, Chính phủ Trung Quốc bắt đầu thí điểm cơ chế thu học phí và huy động xã hội hóa đầu tư giáo dục, cho phép các trường hợp tác với doanh nghiệp, địa phương và cá nhân để tăng nguồn lực. Đây là bước khởi đầu của việc chia sẻ chi phí giáo dục giữa Nhà nước và xã hội, đặt nền tảng cho tư tưởng TCTC trong giáo dục đại học.

Thập niên 1990, “Chương trình cải cách và phát triển giáo dục Trung Quốc” được ban hành, xác định rõ định hướng trao quyền tự chủ tài chính và học thuật cho các cơ sở giáo dục. Cơ chế tài chính chuyển từ “bao cấp toàn phần” sang “đa nguồn đầu tư, đa kênh tài chính”, khuyến khích các trường chủ động tìm kiếm nguồn thu từ học phí, nghiên cứu và hợp tác doanh nghiệp. Tuy nhiên, giai đoạn này vẫn chịu sự kiểm soát chặt chẽ về định mức thu - chi.

Bước sang thế kỷ XXI, cùng với các dự án quốc gia như Dự án 211, Dự án 985 và chiến lược “Double First-Class”, Chính phủ Trung Quốc trao quyền tự chủ lớn hơn về tài chính, nhân sự và học thuật cho các trường đại học trọng điểm. Cơ chế quản lý tài chính chuyển từ “cấp phát” sang “đặt hàng và đồng tài trợ”, khuyến khích các trường mở rộng hợp tác nghiên cứu, cung cấp dịch vụ tư vấn và thương mại hóa kết quả khoa học.

Hiện nay, cơ chế tự chủ tài chính trong giáo dục Trung Quốc đã đạt đến mức tương đối hoàn thiện, với sự đa dạng về nguồn tài trợ, tính linh hoạt trong quản trị, và mức độ minh bạch ngày càng cao, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của các đại học đẳng cấp quốc tế.

2.2. Các trụ cột của Tự chủ tài chính Trung Quốc

Một là, đa dạng hóa nguồn thu

Học phí: Tăng dần theo lộ trình, phân loại theo ngành học (ngành kỹ thuật, y khoa thường cao hơn). Chính phủ đóng vai trò điều tiết mức trần.

Nghiên cứu khoa học và Chuyển giao công nghệ: Đây là nguồn thu khổng lồ của các trường

đại học hàng đầu (như Thanh Hoa, Bắc Kinh). Các trường chủ động đầu thầu, ký kết hợp đồng nghiên cứu với các doanh nghiệp, địa phương.

Hợp tác quốc tế và Tài trợ: Thu hút du học sinh, liên kết đào tạo, nhận tài trợ từ các quỹ và cựu sinh viên.

Hai là, cơ chế tài trợ của Chính phủ

Chính phủ chuyển từ việc tài trợ “đầu vào” sang tài trợ “đầu ra” (chất lượng, dự án trọng điểm, nhiệm vụ chiến lược). Quỹ tài trợ được phân bổ tập trung vào các trường trọng điểm, tạo ra sự phân tầng rõ rệt về năng lực cạnh tranh.

Ba là, quyền tự chủ chi tiêu và quản lý

Các trường TCTC có quyền tự quyết lớn trong việc xây dựng mức lương, thưởng, thu hút giảng viên quốc tế, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất mà không bị ràng buộc quá mức bởi các quy định hành chính nhà nước.

2.3. Thành tựu và hạn chế

Thành tựu

- Nâng cao chất lượng: Tài chính dồi dào cho phép các trường đầu tư mạnh vào cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, thu hút đội ngũ giảng viên chất lượng cao.

- Tăng năng lực nghiên cứu: Các trường đại học TQ trở thành trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng kinh tế.

- Cải thiện vị thế quốc tế: Nhiều trường đại học TQ lọt vào top 100 thế giới.

Hạn chế và thách thức

- Bất bình đẳng và Phân tầng: Khoảng cách giữa các trường trọng điểm và trường địa phương, giữa thành thị và nông thôn gia tăng. Các trường lớn có khả năng tự chủ cao hơn, tạo ra vòng lặp tích cực, trong khi các trường nhỏ gặp khó khăn.

- Áp lực thương mại hóa: Một số trường quá tập trung vào nguồn thu, dẫn đến nguy cơ thương mại hóa giáo dục, sao nhãng nhiệm vụ cơ bản là đào tạo và nghiên cứu học thuật thuần túy.

- Gánh nặng tài chính cho sinh viên: Dù có chính sách học bổng, việc tăng học phí vẫn tạo ra gánh nặng lớn cho các gia đình có thu nhập thấp.

3. Thực trạng Tự chủ tài chính trong giáo dục Việt Nam

3.1. Bối cảnh và lộ trình Tự chủ tài chính

Sau công cuộc Đổi mới năm 1986, Việt Nam từng bước chuyển sang cơ chế thị trường, yêu cầu

cải cách khu vực công để giảm gánh nặng ngân sách và nâng cao hiệu quả chi tiêu công. Nhu cầu mở rộng quy mô giáo dục ngày càng lớn, trong khi nguồn lực nhà nước hạn chế, buộc phải trao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó có các cơ sở giáo dục.

Từ cuối thập niên 1990, Việt Nam đẩy mạnh phổ cập giáo dục và mở rộng mạng lưới đào tạo đại học, cao đẳng, nghề nghiệp. Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII (1993) và Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII (1996) khẳng định chủ trương xã hội hóa giáo dục, tạo cơ sở cho cơ chế tự chủ tài chính nhằm nâng cao năng lực quản trị và giảm bao cấp ngân sách.

Khi Việt Nam gia nhập WTO (2007) và tham gia nhiều hiệp định quốc tế, yêu cầu minh bạch, trách nhiệm giải trình và quản trị đại học hiện đại trở nên cấp thiết. Mô hình tự chủ đại học của các nước OECD, ASEAN và Trung Quốc trở thành tham chiếu quan trọng cho Việt Nam trong cải cách giáo dục.

3.2. Những khó khăn và rào cản tại Việt Nam

Một là, hành lang pháp lý chưa hoàn thiện: Sự chồng chéo, thiếu đồng bộ giữa Luật Giáo dục Đại học, Luật Viên chức, Luật Ngân sách Nhà nước gây khó khăn cho việc triển khai TCTC toàn diện (đặc biệt về lương, thưởng, định mức chi tiêu).

Hai là, năng lực quản trị đại học: Nhiều trường chưa sẵn sàng về năng lực quản trị, khả năng huy động vốn và quản lý rủi ro tài chính. Tư duy bao cấp vẫn còn nặng nề.

Ba là, nguồn thu đa dạng hóa hạn chế: Nguồn thu từ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ còn rất khiêm tốn. Các trường vẫn phụ thuộc chủ yếu vào nguồn thu học phí, dẫn đến áp lực tăng học phí.

Bốn là, vấn đề công bằng xã hội: Tăng học phí gây lo ngại về khả năng tiếp cận giáo dục đại học của sinh viên nghèo.

3.3. Những kết quả bước đầu

Một số trường đại học công lập lớn (ví dụ: Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Quốc gia TP.HCM) đã áp dụng TCTC thành công, nâng cao chất lượng đào tạo, cải thiện thu nhập cho giảng viên, và đầu tư cơ sở vật chất. Tuy nhiên, sự phân hóa chất lượng giữa các trường công lập và ngoài công lập, giữa các trường lớn và trường nhỏ vẫn là một thách thức lớn.

4. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Từ kinh nghiệm của Trung Quốc, Việt Nam có thể rút ra những bài học quan trọng để thúc đẩy TCTC một cách hiệu quả và bền vững:

4.1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách đồng bộ

Việt Nam còn thiếu khung pháp lý thống nhất về tự chủ tài chính (TCTC), dẫn đến việc thực hiện chưa toàn diện và thiếu trách nhiệm giải trình. Trong khi đó, Trung Quốc đã xây dựng cơ chế kiểm toán độc lập, công khai ngân sách, và chuyển từ cấp phát đầu vào sang tài trợ theo kết quả đầu ra. Việt Nam cần hoàn thiện hành lang pháp lý, xác định rõ tự chủ phải đi đôi với trách nhiệm giải trình, thiết lập cơ chế kiểm định, đánh giá chất lượng và giám sát tài chính độc lập, công khai, minh bạch; đồng thời, gỡ bỏ rào cản về cơ chế nhân sự và chi tiêu, trao quyền tự chủ thực sự cho các trường trong việc quyết định cơ cấu tổ chức, tuyển dụng, trả lương và định mức chi.

4.2. Tăng cường năng lực huy động vốn từ nghiên cứu

Nguồn thu của các trường đại học Việt Nam chủ yếu từ học phí, trong khi hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ chưa hiệu quả. Trung Quốc đã biến đại học thành trung tâm sáng tạo và liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp, coi nghiên cứu khoa học là nguồn thu quan trọng. Việt Nam cần có chính sách khuyến khích mạnh mẽ hơn cho việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu; tài trợ theo nhiệm vụ chiến lược, tập trung nguồn lực tài trợ vào các dự án trọng điểm, các trường đại học nghiên cứu hàng đầu để tạo ra mũi nhọn cạnh tranh quốc tế.

4.3. Chính sách đảm bảo Công bằng xã hội

Tăng học phí có thể làm giảm khả năng tiếp cận giáo dục của sinh viên nghèo. Kinh nghiệm Trung Quốc cho thấy, việc mở rộng hệ thống hỗ trợ tài chính khá đa dạng để giảm thiểu tác động của việc tăng học phí. Việt Nam cần tăng cường việc mở rộng Quỹ học bổng (dựa trên thành tích và nhu cầu) và Quỹ vay vốn sinh viên. Ngoài ra, Việt Nam phải có lộ trình và mức độ tự chủ khác nhau cho từng nhóm trường (trường nghiên cứu, trường định hướng ứng dụng, trường sư phạm, trường vùng khó khăn).

4.4. Nâng cao năng lực quản trị

Nhiều cơ sở giáo dục Việt Nam chưa có bộ máy quản trị đủ năng lực, thiếu minh bạch và chưa phát huy vai trò của hội đồng trường. Trung Quốc áp

dụng mô hình “quản trị ba chiều” (Nhà nước - Thị trường - Xã hội), vừa trao quyền tự chủ vừa yêu cầu báo cáo và kiểm toán định kỳ. Việt Nam cần đổi mới mô hình quản trị, tăng cường vai trò của của quản trị nội bộ để đảm bảo tính dân chủ, minh bạch và hiệu quả trong các quyết định về tài chính và chiến lược. Đây là yếu tố then chốt để các trường sử dụng hiệu quả nguồn vốn tự chủ.

5. Kết luận

Tự chủ tài chính (TCTC) là xu thế tất yếu trong cải cách giáo dục, giúp nâng cao chất lượng đào tạo, hiệu quả sử dụng nguồn lực và khả năng cạnh tranh quốc tế của các cơ sở giáo dục. Kinh nghiệm Trung Quốc cho thấy, TCTC chỉ thành công khi được đặt trong khuôn khổ pháp lý rõ ràng, gắn với tự chủ học thuật và cơ chế trách nhiệm giải trình minh bạch.

Đối với Việt Nam, việc triển khai TCTC cần được thực hiện từng bước, phù hợp với năng lực của từng nhóm trường và điều kiện kinh tế - xã hội. Cần ưu tiên hoàn thiện hành lang pháp lý, phát triển nguồn thu từ nghiên cứu - hợp tác doanh nghiệp, bảo đảm công bằng xã hội thông qua quỹ học bổng và tín dụng sinh viên, đồng thời nâng cao năng lực quản trị và trách nhiệm giải trình đảm bảo công bằng xã hội trên tinh thần không ai bị để lại phía sau.

Nếu được thực hiện đồng bộ, TCTC sẽ trở thành động lực quan trọng thúc đẩy chuyển đổi mô hình quản trị đại học Việt Nam theo hướng hiện đại, tự chủ và bền vững, nâng cao chất lượng đào tạo và duy trì sự công bằng xã hội, góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Tài liệu tham khảo:

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2025), Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo
- Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2017), Nghị quyết số 19-NQ/TW về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.
- Chính phủ (2021), Nghị định số 60/2021/NĐ-CP về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.
- Mok, K. H. (2017). Higher education governance and policy in China: managing decentralization and transnationalism. *Policy & Society*, 36(1), 34-52. <https://doi.org/10.1080/14494035.2016.1244287>
- Wilson, J. L. (2020). Chinese higher education and the quest for autonomy: One step backward. *Higher Education Review*, 52(1), 45-64. <https://files.eric.ed.gov/fulltext/EJ1294689.pdf>
- Hou, D., & Suhermin. (2024). Managing university autonomy: The impact of policy reforms on higher education in China. *Global Social Science & Humanities Journal*, 2(4), 1-17. <https://globaledupublisher.com/control/gsshj/index.php/GSSHJ/article/view/9>
- Li, J., & Wei, Y. (2023). Modernization of higher education governance in China: Contexts and ideas. *Beijing International Review of Education*, 5(1-2), 188-208. https://brill.com/view/journals/bire/5/1-2/article-p188_015.xml
- Liu, H., & Tang, Y. (2022). *Research on investment scale and allocation structure of Chinese higher education finance*. Routledge
- Nguyễn Trọng Cơ (2020) *Cơ chế tự chủ trong đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn TP Hồ Chí Minh - Thực trạng và Giải pháp* - NXB Đại học Quốc gia
- Nguyễn Trọng Cơ - Nguyễn Đào Tùng (2022) *Tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh trên địa bàn Ninh Bình* - NXB Tài chính.